

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 206/2024/DS-GĐT

Ngày: 06/08/2024

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản; hợp đồng đặt cọc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: ông Hoàng Thanh Dũng;

ông Trần Văn Mười.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Duân, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên.

Vào ngày 06/08/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản; hợp đồng đặt cọc*” giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

1.1/Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: L, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

1.2/Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1960;

Địa chỉ: L, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2023):

Ông Bùi Văn K, sinh năm 1992;

Địa chỉ: A khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2/Bị đơn:

Bà Huỳnh Thị Bích V, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023):

-Ông Đỗ Tiến Đ, sinh năm 1997;

Địa chỉ: N, phường 3 quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

-Bà Võ Thị Bích N1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp T, xã T huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2/Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện của ông Nguyễn Thanh T1 (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2024):

Ông Trương Minh T2, sinh năm 1997;

Địa chỉ: D T, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3/Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.4/Ông Lê Huỳnh Hoàng L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khóm B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.5/Ngân hàng TMCP S (Chi nhánh V2-Phòng G);

Địa chỉ: A tổ A, Phan Văn Đ1, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện: ông Huỳnh Nghĩa N2, là Trưởng phòng giao dịch.

3.6/Ngân hàng TMCP S (Chi nhánh V2-Phòng G1);

Địa chỉ: H N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện: ông Võ Phú C1, là Trưởng phòng giao dịch.

3.7/Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1976;

3.8/Bà Hồ Thị V1, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Huỳnh Văn T (ông T), ông Huỳnh Văn N (ông N) và bà Huỳnh Thị Bích V (bà V) cùng là con ruột của ông Huỳnh Văn B1 (chết vào năm 1986) và bà Nguyễn Thị T3 (chết vào năm 1997).

Di sản mà ông B1 và bà T3 để lại, là phần đất thổ cư và phần đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, trong đó có phần đất mà hiện nay, ông T, ông N và bà V đang tranh chấp.

Vào năm 2018, ông N khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng phần đất mà ông B1-bà T3 để lại. Tại bản án sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày

14/12/2018, Tòa án nhân dân (TAND) huyện V chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, phân chia di sản thừa kế như sau: chia cho ông N thửa đất số 94, diện tích 118,9m² + chiết thửa số 95, diện tích 30,3m² cùng tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; chia cho ông T thửa đất số 57, diện tích 122,6m² + chiết thửa số 95, diện tích 129,5m² cùng tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Vì không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà V kháng cáo. Tại bản án phúc thẩm số 152/2019/DS-PT ngày 11/09/2019 (bản án phúc thẩm số 152), TAND tỉnh Vĩnh Long sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T và ông N.

Sau đó, ông T có đơn yêu cầu xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020 (quyết định giám đốc thẩm số 208), TAND cấp cao tại Tp . hủy bản án phúc thẩm số 152, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48 (bản án đã chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T, ông N).

Nhưng cho đến ngày hôm nay, ông T và ông N vẫn không nhận được những phần đất được chia theo bản án sơ thẩm số 48; lý do như sau:

-Trong khoảng thời gian bản án phúc thẩm số 152 có hiệu lực (và ông T đang khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm, nhưng chưa có kết quả) thì bà V đã ký hợp đồng, chuyển nhượng những thửa phần đất mà ông T và ông N được chia theo bản án sơ thẩm số 48 (gồm có: thửa đất số 94, diện tích 118,9m² + chiết thửa số 95, diện tích 30,3m²; thửa đất số 57, diện tích 122,6m² + chiết thửa số 95, diện tích 129,5m², cùng tờ bản đồ số 44, tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long), cho ông Nguyễn Thanh T1 (là người con rể của bà V); việc chuyển nhượng này là cách thức tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của bà V đối với cho ông T, ông N (vợ-chồng bà V-ông C chuyển nhượng QSDĐ cho ông T1 với giá 42.000.000 đồng, không đúng với giá thị trường).

Khi quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020 của TAND cấp cao tại Tp . có hiệu lực pháp luật (quyết định công nhận bản án sơ thẩm số 48), ông T, ông N yêu cầu cơ quan thi hành án buộc bà V phải giao trả những phần đất được chia. Nhưng vì đã chuyển nhượng các thửa đất số 57, 94, 95 cho ông T1 nên bà V không còn tài sản nào khác để thi hành bản án sơ thẩm số 48.

Vì lý do đó, ông T và ông N khởi kiện, đòi bà V phải bồi thường cho họ giá trị của những thửa đất đã chuyển nhượng (cho ông T1). Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021 (bản án sơ thẩm số 71), TAND huyện Vũng Liêm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và ông T, buộc bà V phải trả

cho ông N số tiền 3.730.000.000 đồng, trả cho ông T số tiền 6.302.500.000 đồng (là giá trị thị trường của những phần đất mà họ được hưởng). Bà V kháng cáo bản án này, nhưng khi TAND tỉnh Vĩnh Long triệu tập, đương sự không đến phiên tòa phúc thẩm, TAND tỉnh Vĩnh Long đã ra quyết định số 02/2022/QĐPT ngày 16/02/2022 đình chỉ xét xử phúc thẩm, công nhận hiệu lực của bản án sơ thẩm số 71.

Sau khi bản án sơ thẩm số 71 có hiệu lực pháp luật, ông T và ông N yêu cầu cơ quan thi hành án huyện V tổ chức thi hành án. Nhưng vì hiện nay, bà V không còn tài sản nào khác để có thể thi hành án nên cơ quan thi hành án vẫn không thể buộc bà V phải thi hành án.

Vì những lý do nói trên, ông T và ông N tiếp tục khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng CNQSDĐ được công chứng tại Văn phòng C2 vào ngày 18/09/2019 (số công chứng 10923, quyển số 03/TP/CC- SCC/HĐGD) giữa bà Huỳnh Thị Bích V-ông Nguyễn Văn C (bên chuyển nhượng) và ông Nguyễn Thanh T1 (bên nhận chuyển nhượng) (đối tượng chuyển nhượng là thửa đất số 94 diện tích 118,9m² + chiết thửa số 95 diện tích 30,3m²; thửa số 57, diện tích 122,6m² + chiết thửa số 95 diện tích 129,5m² cùng tờ bản đồ số 44, tại ấp T, xã T, huyện V, là hợp đồng vô hiệu do giả tạo.

Ông T và ông N rút lại yêu cầu đòi hủy giấy CNQSDĐ số BR 586649 và số BR 586650 ngày 26/9/2019 do ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên, buộc bà V phải giao các thửa đất này cho ông T, ông N.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Bích V trình bày ý kiến như sau:

Sau khi TAND huyện Vũng Liêm xét xử vụ án tranh chấp thừa kế về tài sản theo bản án số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018, thì bà V không đồng ý, đã kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Tại bản án phúc thẩm số 152/2019/DS-PT ngày 11/09/2019, TAND tỉnh Vĩnh Long đã sửa bản án sơ thẩm, không chấp yêu cầu khởi kiện của ông T và ông N.

Sau khi bản án phúc thẩm số 152 có hiệu lực pháp luật, bà V chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất nói trên cho ông Nguyễn Thanh T1 (là người con rể của bà V); ông T1 đã được cấp giấy CNQSDĐ hợp pháp. Vì vậy, bà V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C (là người chồng của bà V) trình bày ý kiến như sau:

Khi ông C-bà V ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 57, 94, 95 cho ông T1 thì những thửa đất này không bị tranh chấp, việc chuyển nhượng là hợp pháp. Sau đó, ông T và ông N khởi kiện, đòi bà V phải lại trả giá trị của những

thửa đất đã chuyển nhượng; việc tranh chấp đã được giải quyết xong bằng bản án sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021 của TAND huyện Vũng Liêm đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N và ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T1 (là người con rể của ông C-bà V) trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 18/09/2019, ông T1 nhận chuyển nhượng thửa đất số 57, diện tích 122,6m²; thửa đất 95, diện tích 159,8m² và thửa đất số 94, diện tích 119m² (cùng loại đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 44, tại ấp T, xã T, huyện V, của bà V và ông C; giá chuyển nhượng là 42.000.000 đồng.

Ông T1 đã giao đủ tiền cho bà V-ông C và đã nhận đất để sử dụng. Đến ngày 26/09/2019, ông T1 đứng tên chủ sử dụng của những thửa đất nói trên. Khi nhận chuyển nhượng đất, thì có 02 căn nhà gắn liền với đất. Nhưng ngày nay, ông T1 đã tháo dỡ 02 căn nhà cũ, xây dựng 02 căn nhà mới, cho người khác thuê lại.

Ông T1 đã thế chấp các thửa đất số 94, 95 cho ngân hàng TMCP S - chi nhánh V2 - phòng G (S1 – P) để bảo đảm số tiền vay 1.950.000.000 đồng và thế chấp các thửa đất số 57, 96 cho ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V2 - Phòng G1 (S1 – P1) để bảo đảm số tiền vay là 950.000.000 đồng.

Vào ngày 09/04/2022, ông T1 và bà H đã ký kết hợp đồng đặt cọc với ông Lê Huỳnh Hoàng L để chuyển nhượng QSDĐ (và tài sản khác gắn liền với đất) đối với các thửa số 57, 94, 95, cùng tờ bản đồ số 44, tại ấp T, xã T, huyện V; giá chuyển nhượng là 6.000.000.000 đồng; ông L đặt cọc trước 1.000.000.000 đồng; trong thời hạn đặt cọc là 30 ngày, tính từ ngày 09/04/2022 đến ngày 09/05/2022, bên ông L trả hết số tiền còn lại 5.000.000.000 đồng để ông T1-bà H thực hiện hợp đồng CNQSDĐ.

Tuy nhiên, do ông N và ông T đang tranh chấp đối với thửa số 57, 94, 95 nên ông T1-bà H chưa thể làm hợp đồng CNQSDĐ cho ông L.

Với những lý do nói trên, ông T1-bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và ông N.

Đối với yêu cầu độc lập của ông L: ông T1 và bà H đồng ý trả lại cho số tiền đã đặt cọc 1.000.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 1.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích H (là người vợ của ông T1) trình bày ý kiến như sau:

Bà H biết sự việc ông T1 nhận chuyển nhượng các thửa đất số 57, 94, 95 cùng tờ bản đồ số 44, tại ấp T, xã T, huyện V, từ bà V (là người mẹ ruột của bà

H). Nhưng số tiền mà ông T1 dùng để nhận chuyển nhượng đất, là tài sản riêng của ông T1, không liên quan đến bà H.

Vào ngày 09/04/2022, bà H cùng ông T1 và ông L, lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng thửa đất số 57, 94, 95 với giá là 6.000.000.000 đồng; bà H và ông T1 đã nhận tiền cọc là 1.000.000.000 đồng, đến ngày 09/05/2022 thì ông L sẽ trả hết số tiền còn lại. Nhưng sau đó, do phát sinh việc tranh chấp QSDĐ, nên việc chuyển nhượng không thực hiện được. Vì vậy, bà H đồng ý cùng ông T1, trả lại số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng và trả số tiền phạt cọc là 1.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Huỳnh Hoàng L trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 09/04/2022, ông L và ông T1-bà H lập hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng QSDĐ (và tài sản gắn liền với đất) của các thửa đất số 57, 94, 95; diện tích của 03 thửa đất là 401,4m² theo giấy CNQSD đất số BR586648, BR 586649, BR 586650, cùng tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V do ông T1 đứng tên chủ sử dụng đất; giá chuyển nhượng là 6.000.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận rằng ông L đặt cọc 1.000.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản; đến ngày 09/05/2022 ông L sẽ trả đủ cho ông T1-bà H số tiền còn lại là 5.000.000.000 đồng để hai bên tiến hành thủ tục chuyển nhượng đất; nếu các bên không thực hiện đúng hợp đồng, sẽ bị phạt cọc là 1.000.000.000 đồng.

Sau khi đặt cọc, ông L đã nhiều lần yêu cầu ông T1-bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng ông T1-bà H không thực hiện.

Vì vậy, ông L khởi kiện, đòi lại số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng và đòi số tiền phạt cọc 1.000.000.000 đồng.

Vào ngày 27/09/2023, ông L có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đòi ông T1-bà H trả số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng và trả số tiền phạt cọc là 1.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị V1 trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 02/04/2020, vợ chồng ông B-bà V1 thỏa thuận với ông T1 để thuê nhà, đất tại thửa đất số 57 và 94, trên đất có 02 căn nhà; giá thuê là 200.000.000 đồng, thời hạn thuê 05 năm, hai bên có làm hợp đồng cho thuê đất.

Ông T1 đã giao nhà đất cho ông B-bà V1 sử dụng từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay, ông B-bà V1 đang hoạt động mua bán vật liệu xây dựng tại nơi này.

Ông B-bà V1 không có yêu cầu gì trong vụ án này; đương sự sẽ tự thỏa thuận giải quyết với ông T1 về hợp đồng thuê đất giữa hai bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ngân hàng TMCP S (Chi nhánh V2 - Phòng G1) do ông Nguyễn Ngọc N3 đại diện, trình bày ý kiến như sau:

Ông T1 và bà H thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng cho vay số 202025605445 ngày 28/8/2020 ký kết giữa S1 (P1) với bà Huỳnh Thị Bích V và ông Nguyễn Văn C, cụ thể như sau:

-Số tiền vốn vay là 950.000.000 đồng, thời hạn sử dụng hạn mức là 36 tháng;

-Tài sản đảm bảo là 02 tài sản sau đây: (1)tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BR586648 ngày 24/12/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V cấp cho bà Huỳnh Thị Bích V (thay đổi vào ngày 26/09/2019 cho ông T1 đứng tên sử dụng); (2)tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CX143160 ngày 13/08/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ông T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính cho đến ngày hôm nay, ông T1 và bà H vẫn thực hiện bình thường và không phát sinh nợ quá hạn; ngân hàng đã thực hiện thủ tục cho vay vốn và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng trình tự, quy định. Do đó, ngân hàng TMCP S không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Nếu ông T1 và bà H cần giải chấp tài sản thế chấp, thì đương sự phải tất toán toàn bộ khoản vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ngân hàng TMCP S (Chi nhánh V2 – Phòng G) do ông Huỳnh Nghĩa N2 đại diện, trình bày ý kiến như sau:

Ông T1 và bà H thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay theo hợp đồng cho vay số LD1927000353 ngày 01/10/2019 và hợp đồng tín dụng số 20215990476 ngày 24/02/2021 ký kết giữa S1 – P, cụ thể như sau:

-Hồ sơ 1: số tiền vay là 950.000.000 đồng, thời hạn sử dụng hạn mức là 36 tháng. Tài sản bảo đảm: tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 586649 ngày 24/12/2013 (thay đổi ngày 26/09/2019) do UBND huyện V cấp cho ông T1 và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất, số phát hành BR 586650 ngày 24/12/2013 (thay đổi ngày 26/09/2019) do UBND huyện V cấp cho ông T1;

-Hồ sơ 2: số tiền vốn vay 1.000.000.000 đồng, nhận nợ vay ngày 25/02/2021, thời hạn vay là 240 tháng. Tài sản bảo đảm: tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 586649 ngày 24/12/2013 (thay đổi ngày 26/09/2019) do UBND huyện V cấp cho ông T1 và tài sản theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất, số phát hành BR 586650 ngày 24/12/2013, (thay đổi ngày 26/09/2019) do UBND huyện V cấp cho ông T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính cho đến ngày nay, ông T1 và bà H vẫn thực hiện bình thường và không phát sinh nợ quá hạn; ngân hàng thực hiện thủ tục cho vay vốn và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Do đó, ngân hàng TMCP S không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Nếu ông T1 và bà H cần giải chấp tài sản nêu trên thì phải tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử như sau:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N.

1.Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 18/9/2019, số công chứng 10923, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2 giữa bà Huỳnh Thị Bích V, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Thanh T1 đối với thửa đất số 94, diện tích 119 m² loại đất trồng cây lâu năm; thửa số 57, diện tích 122,6 m² loại đất trồng cây lâu năm; thửa số 95, diện tích 159,8 m² loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 44, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà V, ông C có nghĩa vụ trả lại cho ông T1 số tiền chuyển nhượng đất là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng)

Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà V và ông Cao thửa đất số 94, diện tích 119 m² loại đất trồng cây lâu năm; thửa số 57, diện tích 122,6 m² loại đất trồng cây lâu năm; thửa số 95 diện tích 159,8 m² loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 44, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, trên đất có 02 căn nhà chính và 01 căn nhà bếp nhà do ông T1 xây dựng.

Buộc bà V và ông C phải trả cho ông T1 giá trị 02 căn nhà chính và 01 căn nhà bếp thành tiền là 404.358.000 đồng (bốn trăm lẻ bốn triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Bà V và ông C được quyền sở hữu 02 căn nhà chính và 01 căn nhà bếp trên các thửa đất 57, 94, 95.

2.Vô hiệu một phần hợp đồng cho vay số LD1927000353 ngày 01/10/2019 và hợp đồng tín dụng số 20215990476 ngày 24/02/2021 được ký kết giữa Sacombank-PGD T với ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Bích H:

-Vô hiệu đối với phần tài sản bảo đảm thế chấp là 01 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BR 586649 do UBND huyện V cấp ngày 24/12/2013, thay đổi ngày 26/09/2019 cho ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên sử dụng và 01 quyền

sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BR 586650 do UBND huyện V cấp ngày 24/12/2013, thay đổi ngày 26/09/2019 cho ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên sử dụng.

3. Vô hiệu một phần hợp đồng cho vay số 202025605445 ngày 28/8/2020 được ký kết giữa S1 – P1 với bà Huỳnh Thị Bích V, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Bích H:

- Vô hiệu một phần đối với phần tài sản bảo đảm thế chấp là một giấy chứng nhận theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR586648 do UBND huyện V cấp ngày 24/12/2013 cho bà Huỳnh Thị Bích V và thay đổi vào ngày 26/09/2019 cho ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên sử dụng.

4. S1 – P và S1 – PGD V không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này đối với số tiền mà ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Bích H vay vốn tại ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất số BR 586649 và BR 586650 do ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Huỳnh Hoàng L về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Bích H trả số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 1.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ; về án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Cùng vào ngày 12/10/2023, bị đơn là bà V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T1, có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa lại bản án sơ thẩm.

Vào ngày 25/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ngân hàng S1 (Phòng G); Ngân hàng (S1 – Phòng G1) có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa lại bản án sơ thẩm.

Tại bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử như sau:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bích V và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T1, ngân hàng S1 – P và ngân hàng SImbank - P1;

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí.

Vào các ngày 16/02/2024, ngày 23/02/2024, ngày 28/02/2024, bà Huỳnh Thị Bích V, ông Nguyễn Thanh T1, ngân hàng S1 (Phòng G); ngân hàng S1 (Phòng G1) có đơn yêu cầu xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định số 142/QĐ-VKS-DS ngày 29/05/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án dân sự phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024 và hủy bản án sơ thẩm số 116/2023/DS-ST ngày 29/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đình chỉ giải quyết vụ án;

Lý do như sau:

-Ông T, ông N khởi kiện bà V, đòi chia thừa kế thừa đất số 57, 94, 95 tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018, TAND huyện Vũng Liêm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N (phân chia di sản thừa kế như sau: chia cho ông N thừa đất số 94, diện tích 118,9m² + chiết thừa số 95, diện tích 30,3m² cùng tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; chia cho ông T thừa đất số 57, diện tích 122,6m² + chiết thừa số 95, diện tích 129,5m² cùng tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long).

Sau đó, tại bản án phúc thẩm số 152/2019/DS-PT ngày 11/09/2019, TAND tỉnh Vĩnh Long sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T và ông N.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020 (quyết định giám đốc thẩm số 208), TAND cấp cao tại Tp . hủy bản án phúc thẩm số 152, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48 ngày 14/12/2018.

Trong thời gian bản án phúc thẩm số 152/2019/DS-PT ngày 11/09/2019 có hiệu lực pháp luật, bà V đã chuyển nhượng toàn bộ thừa đất số 57, 94, 95 cho người con rể, là ông T1. Do đó, sau khi có quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020, thì không còn thừa đất nào để có thể thi hành án cho ông T và ông N.

Vì vậy, ông T và ông N đã khởi kiện bà V, đòi bồi thường giá trị những thừa đất số 57, 94, 95. Tại bản án sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021, TAND huyện Vũng Liêm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và ông T, buộc bà V phải trả cho ông N số tiền 3.730.000.000 đồng, trả cho ông T số tiền 6.302.500.000 đồng (là giá trị thị trường của những phần đất mà họ được hưởng theo bản án sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018); bản án sơ thẩm này

(bản án số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021, đã có hiệu lực pháp luật theo quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2022/QĐPT ngày 16/02/2022 của TAND tỉnh Vĩnh Long).

Theo những bản án nói trên, thì quyền lợi của ông T và ông N đã được Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo luật định. Do đó, việc Tòa án hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long tiếp tục thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T và ông N đối với bà V (theo bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024) là vi phạm điểm a; điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015);

-Việc ông T1-bà H thế chấp thửa đất số 57, 94, 95 cho S1 theo hợp đồng ký kết vào ngày 28/08/2020; 25/02/2021, là hợp lệ. Vì vậy, việc Tòa án hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long tuyên bố những giao dịch thế chấp này bị vô hiệu, là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Xét, theo bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 của TAND huyện Vũng Liêm và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024 của TAND tỉnh Vĩnh Long, thì hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long không vi phạm Điểm a; Điểm c Khoản 1 Điều 192 của BLTTDS 2015 (quy định về những trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện và quy định về việc Tòa án không được giải quyết lại một sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật);

Lý do như sau:

[1.1]Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nói về “*Giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo*” quy định như sau:

“1.Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.

2.Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu”.

[1.2]Xét thấy, sau khi quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020 của Ủy ban Thẩm phán - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật (công nhận bản án sơ thẩm số

48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018), thì bà Huỳnh Thị Bích V là người phải thi hành theo bản án sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018.

Nhưng vì tính đến thời điểm nói trên, bà Huỳnh Thị Bích V-ông Nguyễn Văn C đã chuyển nhượng toàn bộ những thửa đất số 57, 94, 95, tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V (là phần tài sản của ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn N được hưởng theo bản án sơ thẩm số 48/2018/DS-ST ngày 14/12/2018), cho người con rể (là ông Nguyễn Thanh T1), nên ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn N phải khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích V để đòi bồi thường giá trị đất, tính bằng tiền.

Do đó, tại bản án sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021, TAND huyện Vũng Liêm đã buộc bà Huỳnh Thị Bích V phải trả giá trị đất cho ông Huỳnh Văn N (đối với thửa đất 94, diện tích 118,9m² + chiết thửa 95, diện tích 30,3m² theo giá thị trường là 25.000.000đồng/m², tổng cộng là 3.730.000.000 đồng), trả giá trị đất cho ông Huỳnh Văn T (đối với thửa đất số 57, diện tích 122,6m² + chiết thửa số 95, diện tích 129,5m² theo giá thị trường là 25.000.000đồng/m², tổng cộng là 6.302.500.000 đồng); bản án này đang có hiệu lực pháp luật.

[1.3]Vi bà Huỳnh Thị Bích V không còn có tài sản nào khác để thi hành bản án sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021 nói trên, nên ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N phải tiếp tục khởi kiện bà Huỳnh Thị Bích V, yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 57, 94, 95, tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V mà bà Huỳnh Thị Bích V-ông Nguyễn Văn C đã xác lập với ông Nguyễn Thanh T1 vào ngày 18/09/2019 (công chứng tại Văn phòng C2 vào ngày 18/09/2019); mục đích khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N là nhằm để buộc bà Huỳnh Thị Bích V phải thi hành bản án sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 05/11/2021.

Do sự khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N, hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long đã tiếp tục thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hợp đồng tín dụng và hợp đồng đặt cọc*” và đã xét xử bằng bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024.

[1.4]Xét về quan hệ pháp luật có tranh chấp xác định theo bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024, thì quan hệ pháp luật này hoàn toàn khác với những quan hệ pháp luật có tranh chấp theo các bản án sơ thẩm, phúc thẩm của hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long đã xét xử trước đây và khác với quan hệ pháp luật được xác

định theo quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020 của Ủy ban Thẩm phán - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn N, bà Huỳnh Thị Bích V đều là những người đã từng tham gia tố tụng trong những vụ án đã xét xử trước đây mà vừa được nêu ra. Sự việc ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N khởi kiện như vậy, là đúng theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nói về “*Giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo*” đã viện dẫn nói trên.

[1.5]Xét về bản chất, việc khởi kiện của ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn N, đã được hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long xét xử nói trên (theo bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024), là cách thức nhằm để buộc bà Huỳnh Thị Bích V phải có trách nhiệm thi hành theo đúng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nói một cách khác, nếu không giải quyết như vậy, sẽ mặc nhiên duy trì tình trạng “*Trái pháp luật*” một cách hợp pháp, dung dưỡng cho người cố ý không chấp hành bản án Tòa án và không bảo đảm lẽ công bằng trong xã hội.

[1.6]Xét về nội dung (bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024), bản án của hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long đã đưa ra đầy đủ những căn cứ pháp lý để có thể xác định rằng việc chuyển nhượng các thửa đất số 57, 94, 95, tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V mà bà Huỳnh Thị Bích V-ông Nguyễn Văn C (bên chuyển nhượng) đã xác lập với ông Nguyễn Thanh T1 (bên nhận chuyển nhượng) vào ngày 18/09/2019, là giao dịch dân sự giả tạo nhằm để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ đối với ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn N;

[2]Xét về tính hợp pháp của việc ông Nguyễn Thanh T1-bà Nguyễn Thị Bích H thế chấp thửa đất số 57, 94, 95 tờ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V cho ngân hàng TMCP S:

[2.1]Sau khi nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị Bích V-ông Nguyễn Văn C (theo hợp đồng ngày 18/09/2019), thì ông Nguyễn Thanh T1-bà Nguyễn Thị Bích H thế chấp thửa đất số 57, 94, 95 cho ngân hàng TMCP S như sau:

-Thế chấp thửa đất số 57, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V chứng nhận vào ngày 28/08/2020 (bút lục 169-170);

-Thế chấp thửa đất số 94, 95, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V chứng nhận vào ngày 25/02/2021 (bút lục 212-213).

Xét, đối với thửa đất số 57: tại phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 28/08/2020 (bút lục 165-166), ông Nguyễn Thanh T1 chỉ kê khai thửa đất thế chấp là thửa đất số 96 (không thế chấp thửa đất số 57), được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V chứng nhận vào ngày 28/08/2020.

Sau đó, tại trang “*Bổ sung về tài sản thế chấp*” (bút lục 164), ông Nguyễn Thanh T1 mới bổ sung thửa đất số 57 làm tài sản thế chấp, nhưng việc bổ sung này không có sự xác nhận của cả hai bên đương sự và chứng nhận của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V. Mặc dù sau đó, tại trang bổ sung giấy chứng nhận QSDĐ (bút lục 169), Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V xác nhận việc thế chấp thửa đất số 57, nhưng về thủ tục, việc xác nhận như vậy là không khớp với phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp ban đầu của ông Nguyễn Thanh T1;

Xét, đối với thửa đất số 94, 95: việc thế chấp của ông Nguyễn Thanh T1 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V xác nhận vào ngày 25/02/2021. Tại thời điểm này, quyết định giám đốc thẩm số 208/2020/DS-GĐT ngày 11/09/2020 của Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật, công nhận thửa đất số 94, 95 thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn N. Do đó, việc thế chấp này của ông Nguyễn Thanh T1 bị vô hiệu.

[2.2] Xét về bản chất, các thửa đất số 57, 94, 95 từ bản đồ số 44, ấp T, xã T, huyện V là tài sản hợp pháp mà ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N được hưởng thừa kế từ di sản của cha-mẹ (là ông Huỳnh Văn B1-bà Nguyễn Thị T3) để lại, nhưng trong thời gian vừa qua, đã bị bà Huỳnh Thị Bích V chiếm hữu và xác lập quyền sử dụng đất một cách không hợp pháp (bà Huỳnh Thị Bích V cũng là một đồng thừa kế, đã được hưởng một phần di sản khác theo luật định). Sở dĩ việc tranh chấp này phải xét xử lại nhiều lần qua nhiều bản án, lỗi chính thuộc về bà Huỳnh Thị Bích V (cản trở, không chấp nhận chia di sản cho ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N); bên cạnh đó, cũng một phần là do sơ sót của Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn xét xử phúc thẩm trước đây.

Vì những lý do đó, việc hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long xác định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 57, 94, 95 xác lập vào ngày 18/09/2019 giữa bà Huỳnh Thị Bích V-ông Nguyễn Văn C (bên chuyển nhượng) và ông Nguyễn Thanh T1 (bên nhận chuyển nhượng), là giao dịch vô hiệu, đồng thời xác định việc thế chấp các thửa đất này cho ngân hàng TMCP S cũng bị vô hiệu, là hoàn toàn phù hợp với những tài liệu, chứng cứ và diễn biến của vụ án.

[3] Với những tài liệu, chứng cứ và diễn biến của vụ án đã phân tích và đánh giá nói trên, Tòa án cấp giám đốc thẩm có căn cứ kết luận rằng việc xét xử của hai cấp Tòa án tại tỉnh Vĩnh Long theo bản án sơ thẩm số 116/2023/DSST ngày 29/09/2023 và bản án phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024, là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1/Không chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 142/QĐ-VKS-DS ngày 29/05/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án dân sự phúc thẩm số 19/2024/DS-PT ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản, hợp đồng đặt cọc*” giữa nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T và ông Huỳnh Văn N; bị đơn là bà Huỳnh Thị Bích V (và những người khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

2/Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng GDKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng